# Tạo bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tạo bản tin:** Cho phép người dùng có thể soạn tin, kèm những file hình ảnh, âm thanh, video và các tin liên quan | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F01 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng soạn thảo bản tin và tải hình ảnh, âm thanh, video, đính kèm các tin lien quan lên cùng với bản tin | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Công tác viên sẽ thu thập thông tin, tin tức và gửi về cho phóng viên, phóng viên sử dụng chức năng này để soạn bản tin. Biên tập và tổng biên tập cũng có thể soạn tin | |
| Dữ liệu đầu vào | Văn bản và có thể thêm file đính kèm (hình ảnh (chất lượng cao), file âm thanh, file video, dữ liệu khác), các tin liên quan (tin có nội dung liên quan đến bản tin đang soạn), tin đã đưa (các tin trong cùng danh mục với bản tin đang soạn). | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: Cộng tác viên thu thập thông tin mới, phóng viên dựa vào thông tin đó soạn tin  Case 2: Biên tập, tổng biên tập tự tìm ra thông tin, ý tưởng bài viết mới và soạn tin | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Bản tin sau khi tạo sẽ lưu vào danh sách chờ gửi xét duyệt, riêng tổng biên tập thì bản tin đưa và danh sách chờ duyệt đưa ra internet | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin mới được tạo | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, biên tập viên | |

# Sửa bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sửa bản tin:** Cho phép người dùng có thể chỉnh sửa bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F02 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng chỉnh sửa nội dung bản tin. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể chỉnh sửa lại bản tin. Bản tin đã được gửi lên cấp trên sẽ không được sửa trừ khi được gửi trả về | |
| Dữ liệu đầu vào | 1/Bản tin được tổng biên tập gửi trả về cho biên tập hoặc phóng viên  2/Bản tin được biên tập gửi trả về cho phóng viên  3/Bản tin được gửi lên nhưng chưa được xét duyệt, phóng viên có thể lấy lại và chỉnh sửa | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Case 1: Tổng biên tập duyệt tin, bản tin đó có sai sót và gửi ra về cho biên tập hoặc phóng viên để chỉnh sửa  Case 2: Biên tập duyệt tin, bản tin có sai sót và gửi trả về cho phóng viên để chỉnh sửa  Case 3: Phóng viên hoặc biên tập soạn tin và gửi lên cấp trên, trong lúc chờ xét duyệt vẫn có thể lấy lại để chỉnh sửa | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống hiển thị nội dung bản tin được soạn, người dùng có thể chỉnh sửa trên nội dung đó | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được chỉnh sửa | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Biên tập, tổng biên tập | |

# Xem trước bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem trước:** Cho phép người dùng có thể xem bản tin sơ bộ trước khi bản tin được gởi lên | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F03 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống hiển thị toàn bộ nội dung cũng như các nội dung đi kèm khác như một bản tin chính thức để người dùng có thể thấy trước bản tin soạn thảo có hợp lý chưa | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập có thể xem trước nội dung bản tin, hỉnh ảnh, video… được hiển thị như thế nào | |
| Dữ liệu đầu vào | Thông tin, video, hỉnh ảnh, file đính kèm… đang được soạn thảo | |
| Ngữ cảnh | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập đang soạn thảo và muốn xem trước bài viết của mình ra sao. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ thông tin người dùng đang soạn thảo như một bản tin chính, người dùng dựa vào đó mà sẽ có chỉnh sửa kịp thời | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin đang được soạn thảo | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | |

# Xem bản tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem tin:** Cho phép người dùng có thể xem lại bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F04 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng xem bản tin đã được tạo | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin đã soạn và xem lại tin đó. | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được tạo | |
| Ngữ cảnh hoạt động | Sau khi tạo bản tin, phóng viên, biên tập, tổng biên tập muốn xem lại bài viết của mình, họ có thể mở thông tin chi tiết bài viết đó | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ thông tin bài viết | |
| Dữ liệu đầu ra | Hiển thị nội dung bài viết | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | |

# Duyệt tin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt tin:** Cho phép người dùng có thẩm quyền xem cái bản tin cấp dưới gửi lên | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Biên tập, tổng biên tập | | ID: F05 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng (biên tập, tổng biên tập) xem các bản tin đang chờ xét duyệt | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin chờ duyệt và xem bản tin đó | |
| Dữ liệu đầu vào | 1/ Bản tin phóng viên gửi cho biên tập  2/Bản tin biên tập gửi cho tổng biên tập  3/Bản tin phóng viên gửi cho tổng biên tập. | |
| Ngữ cảnh hoạt động |  | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Biên tập hoặc tổng biên tập có thể chọn bản tin trong danh sách bản tin chờ duyệt và xem chi tiết của bản tin đó. Hệ thống hiển thị chi tiết bản tin được chọn | |
| Dữ liệu đầu ra | Biên tập hoặc tổng biên tập sau khi duyệt tin, bản tin sẽ được đưa vào danh sách đã duyệt hoặc sẽ được gửi về cho người soạn | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên hoặc biên tập sẽ nhận bản tin gửi trả về.  Nếu tổng biên tập xét duyệt và chấp nhận, bản tin sẽ được đưa lên internet hoặc mạng nội bộ | |

# Quality Attribute

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 01 |
| Quality Attribute: Performance | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Tốc độ hồi đáp của hệ thống không được quá chậm | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Bản tin hiển thị không quá 2 giây  Bản tin khởi tạo được lưu không quá 3 giây  Bản tin được gửi trả về không quá 2 giây | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 02 |
| Quality Attribute: Security | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Lỗi của hệ thống phải được che khuất, dữ liệu người dùng phải được mã hóa | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Tài khoản và mật khẩu người dùng phải đươc mã hóa trong database  Lỗi hệ thống phải được xử lý | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 03 |
| Quality Attribute: Usability | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Làm cho giao diện dễ sử dụng, người dùng có thể thao tác nhanh, giảm thời gian chờ khi qua trang khác | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Login vào hệ thống không quá 2 thao tác  Vào được giao diện cần thiết không quá 3 thao tác | |